

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN EAKAR  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 15 - 9 - 2022  
“V/v: Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Long.

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Lê Khắc Dũng, bà Nguyễn Thị Tuyết.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Xuân Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Cao Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện EaKar xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 329/2022/TLST-HNGĐ ngày 25/7/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Phương Th, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn K, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn K, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phương Th và ông Nguyễn Văn H xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, sau một thời gian tìm hiểu thì tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 23/12/2005. Tuy nhiên trong quá trình chung sống do bất đồng quan điểm, tính cách, lối sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi. Ông H thiếu quan tâm chăm lo cho gia đình, con cái, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn nên cả hai đã không sống chung với nhau từ đầu năm 2020 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà với ông H được ly hôn.

Về con chung: Bà Th, ông H có hai con chung là Nguyễn Thương H1, sinh ngày 19/7/1997 và Nguyễn Thị Phương H2, sinh ngày 30/10/2005.

Đối với Nguyễn Thương H1 đã trên 18 tuổi, bà Th không yêu cầu giải quyết. Bà Th yêu cầu được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục Nguyễn Thị Phương H2 cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại bản tự khai ngày 02/8/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn H thừa nhận: Việc xác lập quan hệ hôn nhân, đăng ký kết hôn như bà Th trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn ông H thừa nhận vợ chồng hiện có mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do bà Th thường xuyên vắng nhà, ít dành thời gian cho gia đình từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát, xúc phạm nhau, thiếu sự quan tâm chăm sóc đến nhau, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã xảy ra thời gian dài. Nguyên vọng của ông H mong muốn cả hai hòa giải, bỏ qua mâu thuẫn để tiếp tục cuộc sống hôn nhân, nuôi dạy con cái.

Ông H với bà Th có hai con chung là Nguyễn Thương H1, sinh ngày 19/7/1997 và Nguyễn Thị Phương H2, sinh ngày 30/10/2005. Nếu vợ chồng ly hôn, ông H đồng ý giao con chung Nguyễn Thị Phương H2 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương như sau:* Ông H, bà Th là vợ chồng và có hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố B, thị trấn K, huyện E. Vợ chồng ông H, bà Th hiện có mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát và cả hai đã không sống với nhau từ lâu. Ông H làm nghề lái xe, ít khi về nhà. Bà Th công tác tại bệnh viện A, có thu nhập ổn định và nhà ở để nuôi dưỡng con cái.

\* *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:* Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, H đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đều thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các quyết định tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do là vi phạm các quy định tại Điều 70, 72, và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Về nội dung: Do yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ, nên đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho bà Nguyễn Thị Phương Th ly hôn với ông Nguyễn Văn H. Bà Th được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Thị Phương H2, sinh ngày 30/10/2005 cho đến khi đủ 18 tuổi. Đối với con chung là Nguyễn Thương H1 đã trên 18 tuổi, bà Th không yêu cầu nên không đề cập giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con với bị đơn ông H, nguyên đơn và bị đơn hiện đang cư trú tại: tổ dân phố B, thị trấn K, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Đây là tranh chấp ly hôn và nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk theo khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Th vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Phương Th là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 23/12/2005. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Qua kết quả xác minh tại địa phương cũng như trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và đã không còn chung sống với nhau. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Th và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. HĐXX cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho bà Th được ly hôn với ông H.

[3] Về con chung: Bà Th, ông H có hai con chung là Nguyễn Thương H1, sinh ngày 19/7/1997 và Nguyễn Thị Phương H2, sinh ngày 30/10/2005. Bà Th hiện đang sinh sống, làm việc tại địa phương và có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi vợ chồng ly hôn. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con, HĐXX cần giao con Nguyễn Thị Phương H2 cho bà Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của con chung.

Ông Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở

Bà Th, ông H không yêu cầu cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung, nên HĐXX không xem xét.

Đối với con chung Nguyễn Thương H1 đã trên 18 tuổi, các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc H, nguyên đơn bà Th phải chịu 300.000đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về Hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc H.

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; xử cho bà Nguyễn Thị Phương Th được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

2. Về con chung:

- Giao con chung là Nguyễn Thị Phương H2, sinh ngày 30/10/2005 cho bà Nguyễn Thị Phương Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Đối với con chung Nguyễn Thương H1 đã trên 18 tuổi, các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- Ông Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Tuy nhiên ông H không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Phương Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà Th đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu tiền số AA/2021/0020078 ngày 12/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện EaKar.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- THADS huyện EaKar;
- UBND thị trấn K
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. H ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

( Đã ký)

**Hoàng Long**